

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 131/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đặng Văn Tâm;
bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ Nhật Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị D, sinh năm 1987; nơi cư trú: số 35, tổ 02, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ khác: số 20/930 đường Thuận Giao, nhà trọ Phượng Cát, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986; nơi cư trú: số 35, tổ 02, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày, chị D chung sống với anh C có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Trung cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 132, quyển số 01 ngày đăng ký 09/7/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung, gồm: Nguyễn Phúc H, sinh ngày 30/7/2007 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 14/5/2012 đang sống chung với anh C.

Đầu năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quá trình chung sống anh C không lo làm ăn, quan tâm, chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu,

say xỉn có hành vi bạo lực, đánh đập chị D. Mặc dù chị D đã tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh C không thay đổi tính tình. Vì vậy, chị D yêu cầu ly hôn anh C, chấp nhận giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng 02 đứa con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa chị D và anh C xuất phát từ việc anh C không lo làm ăn, không quan tâm gia đình dẫn đến vợ chồng sống ly thân 05 năm nay. Vì vậy, chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ; về con chung đang sống chung với ông Chí. Khi ly hôn, chị D chấp nhận giao 02 đứa con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Để bảo đảm cho sự ổn định, không gây xáo trộn môi trường sống của 02 đứa con, cần giao cho anh C trực tiếp nuôi 02 đứa con; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh C; giao cho anh C trực tiếp nuôi con Nguyễn Phúc H, sinh ngày 30/7/2007 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 14/5/2012.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị D có đơn khởi kiện đối với anh C về yêu cầu ly hôn. Anh C có nơi cư trú tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Tại phiên tòa, chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị D và anh C là vợ chồng hợp pháp, được nhà nước tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, theo lời khai của chị D, kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của chị D và anh C cho thấy, quá trình chung sống, anh C uống rượu, không lo làm ăn tạo thu nhập kinh tế gia đình dẫn đến tình trạng vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C nhằm tạo điều kiện, tổ chức hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng anh C không có văn bản ý kiến, vắng mặt không có lý do thì xem như đã bỏ mặc việc tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Như vậy, từ việc anh C không chịu lo làm ăn tạo lập kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau, không có tình nghĩa vợ chồng với nhau được xem như hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D yêu cầu ly hôn anh C là có căn cứ. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19,

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án chấp nhận khởi kiện của chị D về yêu cầu ly hôn anh C.

[4] Khi ly hôn, chị D chấp nhận giao con Nguyễn Phúc H, sinh ngày 30/7/2007 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 14/5/2012 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, theo kết quả xác minh cho thấy, anh C đang trực tiếp nuôi 02 đứa con đều phát triển bình thường. Ngoài ra, anh C vắng mặt, Tòa án cũng không lấy được ý kiến nguyện vọng của 02 con.

[5] Như vậy, chị D tự nguyện giao cho anh C trực tiếp nuôi con là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, bảo đảm sự ổn định, môi trường sống, giáo dục con. Theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận ý kiến của chị D về giao con Nguyễn Phúc H, sinh ngày 30/7/2007 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 14/5/2012 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét. Sau khi ly hôn, việc nuôi con là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ nên anh C phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị D thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí sơ thẩm: chị D phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị D đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C;

Chị Lê Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Giao con Nguyễn Phúc H, sinh ngày 30/7/2007 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 14/5/2012 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và anh C không yêu cầu cấp dưỡng cho con; Chị D không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm: chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai

số 0024078 ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Chị D, anh C vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân